

**TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 17/10/2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Vân Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Minh Đôn

2. Ông Đỗ Ngọc Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh B Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh B Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nghĩa- Kiểm sát viên

Ngày 17/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh B Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:156/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/QĐST-DS ngày 30/9/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Vương Thị Việt B, sinh năm 1982 (có mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hoàng Long, xã T H, huyện Y T, tỉnh B G

Nơi ở: Thôn Đồng Tâm, xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh B Giang.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1982 (vắng mặt )

Địa chỉ: Bản Đồng Gia, xã X L, huyện Y Th, tỉnh B G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Vương Thị Việt B trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức T vào ngày 10/7/2014 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế. Sau khi kết hôn anh T về nhà chị ở Hoàng Long, Tân Hiệp sinh sống, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không tu trí làm ăn, thường xuyên chơi bời, cờ bạc, trai gái không quan tâm tới gia đình vợ con, vì vậy vợ chồng hay xảy ra bất đồng cãi chửi đánh nhau, nhiều lần

anh T đánh chị phải đi bệnh viện điều trị, cho đến tháng 6/2018 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh T về nhà mẹ đẻ ở Xuân Lương sinh sống, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thư K, sinh ngày 04/8/2014, hiện nay cháu đang ở với chị tại Hoàng Long, T H, Khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác vợ chồng chị không có.

\* Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, qua xác minh tại địa phương xã Xuân Lương cũng như lời khai do bà Nông Thị X là mẹ đẻ anh T cho biết. Chị B, anh T kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hiệp, sau khi kết hôn anh T về nhà chị B sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng chị B, anh T hay xảy ra mâu thuẫn đánh cãi, chửi nhau, chị B nhiều lần nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn cách đây khoảng 1 năm do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng tiếp tục cãi nhau, anh T bỏ về nhà mẹ đẻ ở Xuân Lương sau đó đi làm ăn thỉnh thoảng anh mới về, vừa rồi anh T về bà Xuân đã thông báo cho anh T biết việc chị B xin ly hôn, anh T không có ý kiến gì.

- Về con chung: Vợ chồng chị B, anh T có 01 con chung là Nguyễn Thư K, sinh ngày 04/8/2014. nay cháu đang ở với chị B khi ly hôn tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác chị B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

\* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật, không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ, không đến tham gia phiên tòa xét xử vào các ngày 30/9/2019 và ngày 17/10/2019.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Việt B: Xử cho chị B được ly hôn anh T.

- Về con: Giao cho chị B được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thu Kỳ, sinh ngày 04/8/2014 chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết, Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung, không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chung chị B không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị B thuộc đối tượng hộ nghèo miễn tiền án phí cho chị B hoàn trả chị B 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Vương Thị Việt B và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T có địa chỉ tại xã Xuân Lương, huyện Y T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không có mặt vì vậy vụ án không tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa lần thứ nhất mở ngày 30/9/2019 anh T vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không lý do Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức T.*

[2] Về nội dung: Chị B kết hôn với anh T vào ngày 10/7/2014 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Y T. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T, chời bời, không tu trí làm ăn vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Được chính quyền địa phương và gia đình hòa giải nhưng anh T không thay đổi, vẫn cứng đầu bất hợp tác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Nay chị B xin ly hôn, phía anh T đã được thông báo nhiều lần nhưng không có ý kiến gì phản đối và cũng không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ hòa giải. Xét thấy địa phương xã Xuân Lương, bà X là mẹ

anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng chị B, Anh T đến nay đã trầm t, vợ chồng đã sống ly thân thời gian đã lâu, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Vương Thị Việt B là có căn cứ cần chấp nhận xử cho chị Vương Thị Việt B được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thư Kỳ, sinh ngày 04/8/2014, hiện nay cháu đang ở với chị B, Khi ly hôn chị B xin nuôi con không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con. Xét thấy cháu Thư K từ trước đến nay đang ở ổn định với chị B, cháu vẫn được chị B nuôi ăn học và phát triển khỏe mạnh bình thường. Xét thấy chị B đủ khả năng, điều kiện nuôi con nên cần giao cho chị B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp và có căn cứ, về cấp dưỡng nuôi con, chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về quyền thăm nom con. Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị B thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn tiền án phí ly hôn, hoàn trả chị B số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vương Thị Việt B được ly hôn anh Nguyễn Đức T

2. Về con chung: Giao cho chị Vương Thị Việt B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thư K, sinh ngày 04/8/2014, chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chung: Chị B, không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn cho chị B. Hoàn trả chị Vương Thị Việt B 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2014/0004388 ngày 20/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y T, tỉnh B G

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Vân Anh**